

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HSST
Ngày: 15/02/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: **Bà Phạm Thị Thu Huyền.**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Nguyễn Thị Bích Vân.
2. Ông Nguyễn Duy May.**

- Thư ký phiên toà: Bà H Thu Thảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ
- Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thuý Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 15/02/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 16/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trương Hữu V; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1982; Tại: H; HKTT và nơi ở: Tổ 26, thị trấn Đ, huyện Đ, Thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12; Con ông: Trương Hữu Q, sinh năm: 1946; Con bà: Nguyễn Thị T (Đã chết); Vợ: Nguyễn Thị D, sinh năm: 1986 (đã ly hôn); Con: Có 01 con, sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân:

- Năm 2009, Tòa án nhân dân huyện S xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành án xong ngày 20/12/2010 (đã được xóa án tích).

- Năm 2006, Công an thị trấn Đ đưa đi cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện số 6, S, H.

- Năm 2013, Công an thị trấn Đ đưa đi cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện số 3, S, H.

- Năm 2019, Công an thị trấn Đ đưa đi cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện số 3, S, H.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/10/2022 đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: **Chị Bùi Thị T**, sinh năm 1992.

Trú tại: Thôn K, xã U, huyện Đ, Thành phố H.

Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1958.

Trú tại: Thôn T, xã N, huyện Đ, Thành phố H.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Hữu V là người nghiện ma túy, không có công việc ổn định, để có tiền tiêu xài, V nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Khoảng 12h00 ngày 23/10/2022, V đi lang thang ở khu vực thị trấn Đ tìm người sơ hở để trộm cắp tài sản. P hiện chị Bùi Thị T(SN: 1992; HKTT: Thôn K, xã U, huyện Đ, Thành phố H) đi bộ từ xe ô tô đến cây ATM (thuộc Ngân hàng Mbbank) không khóa cửa xe. V đến gần nhìn vào trong xe ô tô thấy chiếc điện thoại di động 13 Promax của chị T để ở ghế phụ (phía trước). V nhìn quanh xe không có người, V dùng tay phải mở cửa xe, lấy chiếc điện thoại Iphone 13 Promax đút vào túi quần. Cháu P nằm ở hàng ghế sau thấy V liền hỏi “chú làm gì đây”, V trả lời: “chú làm gì đâu”, rồi V đóng cửa xe. Chị T đang rút tiền thấy V đứng cạnh xe hỏi “làm gì vậy”, V trả lời “anh nhầm xe”.

Sau khi lấy được tài sản, V tẩu thoát lên tầng 2 chợ Trung tâm, tháo sim điện thoại rồi tắt nguồn chiếc điện thoại vừa trộm cắp được cất giấu vào trong túi quần. Sau đó, V bắt xe buýt đến nhà ông Nguyễn Văn T (SN: 1958; HKTT: Thôn T, xã N, huyện Đ, Thành phố H) để cầm cố tài sản. V nói với ông T cho để lại chiếc điện thoại trên làm tin vay ông T số tiền 400.000 đồng. Do V đã nhiều lần đến bán phế liệu cho ông T nên ông T đồng ý cho V vay số tiền

400.000 đồng. Số tiền trên V đã tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 24/10/2022, ông T đòi V số tiền 400.000 đồng, V nói không có tiền, bảo ông T sử dụng máy điện thoại khi nào có tiền sẽ đến lấy.

Do cần điện thoại sử dụng và kiểm tra điện thoại hết pin nên ngày 27/10/2022, ông T bảo anh Nguyễn Văn H (SN: 1993, con trai) mang chiếc điện thoại di động đi sửa. Ngày 28/10/2022, anh H mang chiếc điện thoại Iphone 13 Promax đến quán điện thoại ở khu vực đường L thuộc quận Đ, Thành phố H (không nhớ địa chỉ quán) sửa máy rồi mang về đưa lại cho ông T.

Vật chứng tạm giữ: Của ông Nguyễn Văn T: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh, số Imei1: 355777914263060, số Imei2: 355777914087188.

Ngày 31/10/2022 Cơ quan điều tra - Công an huyện Đ đã ra yêu cầu định giá tài sản. Ngày 31/10/2022 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh trị giá là: 23.000.000 đồng và 01 sim điện thoại trị giá là: 50.000 đồng. ***Tổng tài sản bị chiếm đoạt là: 23.050.000 đồng.***

Ngày 16/11/2022 Cơ quan điều tra - Công an huyện Đ đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả chị Bùi Thị T chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh.

Đối với ông Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Văn H không biết chiếc điện thoại Iphone 13 Promax là tài sản V trộm cắp, do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Phần dân sự: Chị Bùi Thị T đã nhận lại tài sản không đề nghị V bồi thường, đề nghị truy tố V theo quy định của pháp luật.

Đối với ông Nguyễn Văn T cho V vay 400.000 đồng, ông T không yêu cầu V trả lại số tiền trên.

Tại bản cáo trạng số 14/CT.VKS ngày 13/01/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố H đã truy tố bị cáo Trương Hữu V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

+ Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trương Hữu V theo tội danh và điều luật đã viện dẫn tại bản Cáo trạng số 14/CT.VKS ngày 13/01/2023, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51;

Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trương Hữu V từ 18 tháng đến 22 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về dân sự: Người bị hại là chị Bùi Thị T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T không có yêu cầu gì về dân sự, nên không xét.

Bị cáo phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

+ Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trương Hữu V khai nhận hành vi phạm tội đúng như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

+ Người bị hại là chị Bùi Thị T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Người bị hại là chị Bùi Thị T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa chị T và ông T đều vắng mặt không có lý do.

Quá trình điều tra chị T và ông T đã có đầy đủ lời khai. Chị T xác nhận đã nhận lại tài sản là 01 chiếc điện thoại di động Iphone 13 Promax màu xanh, chị T không yêu cầu gì khác về dân sự. Ông T xác nhận cho bị cáo V vay 400.000 đồng, tuy nhiên ông T không yêu cầu V phải trả lại ông số tiền này, ông thức không có yêu cầu gì khác về dân sự.

Xét thấy sự vắng mặt của người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa không trở ngại cho việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo Trương Hữu V tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, biên bản tạm giữ đồ vật cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12h10' ngày 23/10/2022 tại tổ 3, thị trấn Đ, huyện Đ, Thành phố H, Trương Hữu V có hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, trị giá là: 23.000.000 đồng và 01 sim trị giá 50.000 đồng của chị Bùi Thị Thủy. Tổng tài sản V chiếm đoạt là 23.050.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã đưa ra các chứng cứ buộc tội và truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được hành vi mình thực hiện là vi phạm pháp luật, đã được pháp luật giáo dục nhiều lần, nhưng do coi thường pháp luật nên bị cáo vẫn thực hiện hành vi trộm cắp. Theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ thì trị giá chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax bị cáo trộm cắp là 23.000.000 đồng và 01 sim trị giá 50.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt được là 23.050.000 đồng. Do đó với lần phạm tội này cần thiết phải đưa ra xét xử với mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về nhân thân, tiền án, tiền sự và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tiền án, tiền sự: Tính đến thời điểm bị cáo phạm tội thì bị cáo không có tiền án tiền sự nào chưa được xóa án tích.

- Về nhân thân: Bị cáo có 01 tiền án năm 2009 về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và 03 tiền sự đi cai nghiện bắt buộc đều đã hết thời hiệu và đã được xóa án tích, nên xác định bị cáo có quá trình nhân thân xấu, bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, mặc dù đã đi cai nghiện nhiều lần nhưng vẫn tái nghiện.

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản đã được thu hồi trả lại người bị hại. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, thể hiện sự khoan hồng và tính nhân đạo của pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có thu nhập ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về bồi thường dân sự: Chị Bùi Thị T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Nguyễn Văn T không yêu cầu bị cáo V phải trả lại số tiền 400.000 đồng V đã vay, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đối với ông Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Văn H không biết chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax là tài sản do V trộm cắp, do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố H về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, mức hình phạt đối với bị cáo, về trách nhiệm dân sự, về việc xử lý vật chứng là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật.

[11] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án. Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[12] Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố: Bị cáo Trương Hữu V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

- Áp dụng Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điểm 1 mục I phần A - Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016).

+ **Xử phạt**: **Trương Hữu V** 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/10/2022.

+ **Về hình phạt bổ sung**: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ **Về án phí**: Bị cáo Trương Hữu V phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm.

+ **Về quyền kháng cáo**: Bị cáo Trương Hữu V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Bùi Thị T và ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- VKSND TP. H;
- Cơ quan THA huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- CA TT.Đ, H.Đ, HN;
- UBND TT.Đ, H.Đ, HN;
- Bị cáo; Người bị hại; Người liên quan;
- Lưu./.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Thu Huyền

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

